TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày: 12/4/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Duyết.

- Ông Trần Thanh Lịch.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 16/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Toà nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ nhận thông báo: Số 72 Quốc Lộ 9, phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Công H– Phó giám đốc Trung tâm Giám sát kinh doanh của Ngân hàng TMCP B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 747/2021/QĐ-LPB.QTR ngày 08/10/2021) – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường 2, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2021, bản trình bày ý kiến ngày 12/4/2022 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/03/2018, Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Quảng Trị đã ký hợp đồng tín dụng số HĐTD4602018605 với bà Nguyễn Thị L, số tiền cấp tín dụng là 50.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi quá hạn là 10%năm. Phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất cố định được tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của bà Nguyễn Thị L đã bị chuyển nợ quá hạn ngày 20/07/2020. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà Nguyễn Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Loan vẫn vi phạm các cam kết nghĩa vụ trả nợ. Dư nợ gốc đến ngày 08/10/2021 là 11.105.636 đồng.

Tính đến này 08/10/2021, tổng dư nợ của bà Nguyễn Thị L tại Ngân hàng TMCP B là 15.729.311 đồng, trong đó số tiền dư nợ gốc là 11.105.636 đồng, nợ lãi 3.057.535 đồng, nợ lãi quá hạn 1.566.140 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải thanh toán toàn bộ số tiền là: 15.729.311 đồng và đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD4602018605 ký ngày 14/03/2018 với Ngân hàng TMCP B cho đến khi tất toán khoản vay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Toà án buộc bà Nguyễn Thị L phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 16.649.126 đồng. Trong đó: Nợ tiền gốc là 11.105.636 đồng, nợ lãi trong hạn 3.057.535 đồng, nợ lãi quá hạn 2.485.955 đồng.

Bà Nguyễn Thị L là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B đề ngày 08/10/2021, Tòa án nhân dân thị xã Q xác định về quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng được giao kết và thực hiện thông qua Ngân hàng TMCP B và bị đơn trú tại khu phố 2, phường 2, thị xã Q. Do đó, theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo Hợp đồng tín dụng thì bị đơn có địa chỉ nơi cư trú khu phố 2, phường 2, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Bị đơn thường xuyên vắng mặt nơi cư trú, nên Tòa án đã không tống đạt được trực tiếp cho bị đơn, Tòa án đã làm thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số HĐTD4602018605 ký ngày 14/03/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B và bà Nguyễn Thị L là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung cũng như các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HĐTD4602018605 ký ngày 14/03/2018 thì bị đơn phải trả số tiền gốc và tiền lãi định kỳ vào ngày 10 của mỗi tháng, chia thành 36 kỳ trả nợ, kỳ trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu từ tháng 04/2018. Đến ngày 20/7/2020 bà Nguyễn Thị L đã vi phạm về mặt thời gian trả nợ nên khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20/7/2020; lần cuối bà Loan trả nợ cho ngân hàng là ngày 11/09/2020. Tổng số tiền gốc bà Nguyễn Thị L đã trả là 38.894.364 đồng (Bút lục 20). Tính đến ngày 12/4/2022 dư nợ gốc còn lại là 11.105.636 đồng thuộc trường hợp quá hạn thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận (Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự).

Về khoản nợ lãi: Tại Hợp đồng tín dụng HĐTD4602018605 ký ngày 14/03/2018 các bên thỏa thuận lãi suất cho vay 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, trả lãi chậm bên vay còn phải thanh toán tiền phạt lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng là 10%/năm. Lãi trả định kỳ vào ngày 10 của mỗi tháng theo dư nợ gốc ban đầu, bắt đầu trả lãi từ tháng 4/2018 đến ngày trả nợ cuối cùng là ngày 14/3/2021. Đến ngày 11/9/2020 phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn tiền lãi 10.467.126 đồng; do bị đơn không trả nợ đến hạn, nguyên đơn đã chuyển nợ gốc và nợ lãi sang nợ quá hạn từ ngày 20/07/2020. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/04/2022, tổng số tiền nợ lãi của bị đơn là 5.543.490 đồng (Bút lục số 56,57), trong đó nợ lãi trong hạn 3.057.535 đồng, nợ lãi quá hạn 2.485.955 đồng. Xét hợp đồng tín dụng được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tính tiền lãi đến ngày 12/04/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 5.543.490 đồng có cơ sở.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 11.105.636 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử (12/04/2022)

là 5.543.490 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn 3.057.535 đồng, nợ lãi quá hạn 2.485.955 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 16.649.126 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn một trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc 11.105.636 đồng (Mười một triệu một trăm linh năm nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng), tiền lãi tính đến ngày 12/04/2022 là 5.543.490 đồng (Năm triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng HĐTD4602018605 ký ngày 14/03/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Đối với số tiền lãi 5.543.490 đồng, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn mà bên phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong.

2.Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 832.456 đồng (Tám trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 393.000 đồng (Ba trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000027 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã QTri;
- Chi cục THADS thị xã QTri;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Mai Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thanh Lịch **Nguyễn Minh Duyết** **Mai Thị Thu Hà**